TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/6/2020
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Triệu Thúy Hà**;

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Ngô Thị Yêm;**

Bà Nguyễn Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: **Bà Trương Thị Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Thanh Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020.

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Thúy H**, sinh năm 1975.
Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Tàm X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Ông **Lê Minh D**, sinh năm 1972.
Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Tàm X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà H.
Vắng mặt: Ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thúy H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Hoàng Thị Thúy H và ông Lê Minh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tàm X ngày 13/10/1992. Sau khi kết hôn, bà H, ông D cùng chung sống tại thôn Đ, xã Tàm X, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không xảy ra vấn đề gì. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa thuận, không hợp nhau, sau nhiều năm chung sống vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nếu tiếp tục chung sống với ông D, cuộc sống của bà trở nên bế tắc. Ngoài ra, ông D có nhiều biểu hiện của người nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện ma túy 06 tháng tại Trung tâm cai nghiện ma túy số 06 tại huyện Ba V, thành phố Hà Nội. Bà đã cố gắng rất nhiều khi chung sống với ông D để cuộc sống vợ chồng được tốt hơn nhưng bản thân bà cảm thấy không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần cố gắng hòa giải, dàn xếp nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay, ông bà đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông D để cả hai được cùng tự do.

- **Về con chung**: Bà H, ông D có 03 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 25/3/1993; Lê Thị N, sinh ngày 30/12/1997 và Lê Đức Tuấn A, sinh ngày 29/6/2005.

Hiện nay, chị Lê Thị H đã đi lấy chồng, không còn chung sống với gia đình ông bà nữa. Chị Lê Thị N đã trưởng thành nên ở cùng với ai là nguyện vọng của chị N, bà H tôn trọng ý kiến của con. Đối với con chung là Lê Đức Tuấn A, trường hợp ông bà ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với ai là do cháu lựa chọn, bà H tôn trọng ý kiến của con. Nếu cháu Tuấn A ở cùng bố, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Hiện tại công việc của bà H là buôn bán, thu nhập vào khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Ông D hiện không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các con. Tuy nhiên, bà tôn trọng nguyện vọng của các con, muốn ở với bố hay với mẹ bà đều chấp nhận.

- Về tài sản, công sức đóng góp, nợ: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà đã được Toà án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của bà đối với vấn đề tài sản nhưng bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Trong biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Lê Minh D trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân**: Ông D và bà H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tàm X vào năm 1992. Sau khi kết hôn, ông và bà H chung sống cùng bố mẹ đẻ của ông D ở thôn C, xã Tàm X, huyện Đ, thành phố Hà Nội trong khoảng 01 năm. Sau đó hai ông bà ra ở riêng tại thôn Đ, xã Tàm X (nay là địa chỉ nhà số 4, ngõ số 11, đường số 3 thôn Đ, xã Tàm X, huyện Đ, thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, đôi khi lạnh nhạt. Nguyên nhân xuất phát từ phía bà H, nhiều năm vợ chồng không còn quan hệ thân mật. Tuy sống chung nhưng bà H không còn quan tâm đến ông. Hiện tại ông bà đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông D đồng ý.

- **Về con chung**: Ông bà có 03 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 25/3/1993; Lê Thị N, sinh ngày 30/12/1997 và Lê Đức Tuấn A, sinh ngày 29/6/2005. Hiện nay chị H đã đi lấy chồng và ở cùng với nhà chồng; chị N và Tuấn A đang ở cùng với ông D. Ly hôn, ông D có nguyện vọng được nuôi con chung là Lê Đức Tuấn A và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công sức đóng góp, nợ: Ông D không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông D đã được Toà án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của ông đối với vấn đề tài sản nhưng ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông.

** Trong lời khai tại Tòa án ngày 24/4/2020, cháu Lê Đức Tuấn A – con chung của bà Hoàng Thị Thúy H và ông Lê Minh D có trình bày:*

Cháu Lê Đức Tuấn A, sinh ngày 29/6/2005 là con của mẹ Hoàng Thị Thúy H và bố Lê Minh D. Hiện tại cháu đang ở với mẹ là bà H tại thôn Đ, xã Tàm X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Quá trình bà H, ông D chung sống với nhau thường xuyên cãi vã khiến tâm lý cả gia đình nặng nề. Cháu thấy bố mẹ có mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ khi mẹ cháu là bà H ly thân với ông D (16/01/2020) cháu thấy tâm trạng tốt hơn, bớt căng thẳng. Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố là ông Lê Minh D để ông trực tiếp chăm sóc cho cháu và cháu cũng có thể trực tiếp chăm sóc cho bố. Hiện tại ông D đang ở một mình.

Quá trình chung sống với bố mẹ, cháu vẫn được chăm sóc, dạy dỗ đầy đủ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D. Về con chung: Bà H tôn trọng ý kiến của con chung là cháu Lê Đức Tuấn A. Về cấp

dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Trường hợp bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A thì không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung; Nếu cháu Tuấn A ở cùng bố, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung*:**

Đề nghị Toà án tuyên :

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về con chung: Giao con chung cho ông D nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông D không yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

+ Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**<u>Về tố tụng</u>**: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật dân sự. Ông D có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Ông Lê Minh D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông D vắng mặt. Tại phiên tòa, ông D vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp

lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2]**Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông D kết hôn ngày 13/10/1992 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tàm X, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ ngày đầu năm 2020 cho đến nay. Cả ông D, bà H đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Bà H yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại UBND xã Tàm X ngày 23/4/2020, đầu năm 2020 ông Lê Minh D được đưa vào đối tượng theo dõi về việc nghiện ma túy tại địa phương. Do vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 25/3/1993; Lê Thị N, sinh ngày 30/12/1997 và Lê Đức Tuấn A, sinh ngày 29/6/2005. Chị Lê Thị H, chị Lê Thị N đã trưởng thành nên không xét việc giao con chung.

Riêng đối với cháu Lê Đức Tuấn A, sinh năm 2005, cháu Tuấn A chưa thành niên nhưng đã trên 7 tuổi, cháu Tuấn A có nguyện vọng được ở cùng bố để chăm sóc bố. Nguyện vọng của cháu là chính đáng. Ông D cũng có nguyện vọng nuôi cháu Tuấn A, bà H nhất trí theo nguyện vọng của cháu Tuấn A. Do vậy, giao cháu Lê Đức Tuấn A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông D không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, xác minh tại địa phương, ông D là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập. Cháu Tuấn A đã lớn, nhận thức được trách nhiệm của mình về việc chăm sóc cha. Tuy nhiên, nếu cháu Tuấn A ở cùng người bố không có thu nhập là chưa đảm bảo quyền lợi cho cháu. Bên cạnh đó, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho ông D 1.000.000 đồng/tháng. Nên ghi nhận sự tự nguyện của bà H việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho ông D để nuôi cháu Tuấn A đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà H, ông D không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3]**Về án phí**: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]**Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị Thúy H với ông Lê Minh D, cho bà H được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giao cháu Lê Đức Tuấn A, sinh ngày 29/6/2005 cho ông Lê Minh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc Tòa án có quyết định khác. Bà H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H cấp dưỡng nuôi con chung cho ông D mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về tài sản chung: Bà H, ông D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0015447 ngày 05/3/2020. Bà H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND quận huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Tàm X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

l